TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST Ngày: 14/9/ 2020 V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Võ Thanh Liêm
2.Ông Lê Minh Chiến
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020 /QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu vực N, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2020, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L tổ chức cưới hỏi vào tháng 3/2013, trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu vài tháng rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn do UBND xã N cấp.

Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình chồng, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thay đổi tính tình, anh ham chơi với bạn bè, ít quan tâm đến vợ con, anh lái xe đường dài, thỉnh thoảng về nhà qua liên lạc điện thoại và tin nhắn thì chị xác định anh có quan hệ người phụ nữ khác, chị có hỏi thì anh vô cớ gây chuyện, đánh đập vợ, nhiều lần chị dẫn con bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống, sau đó vì con nên quay lại phía chồng. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là tháng 12/2019, sau khi lời qua tiếng lại anh nóng tính, anh đánh chị bị

thương tích phải may 02 mũi ở mắt, sau đó anh còn hăm dọa, chị sợ bỏ về phía cha mẹ ở cho đến nay. Cha mẹ hai bên có hòa giải nhưng anh vẫn tính nào tật nấy, không ai nhường nhịn ai, thời gian qua, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Hiện chị không còn tình cảm với anh L nữa, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 22/8/2013 và tên Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh ngày 06/11/2017. Hiện cháu D đang ở với anh L, cháu D2 đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu mỗi người tiếp tục nuôi 01 người con chung, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị hiện làm công nhân sản xuất khẩu trang, thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cụ thể như Giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo phiên tòa, có vài lần anh trực tiếp ký, có lần cha mẹ của anh ký nhận các văn bản tố tụng trên và đã về giao cho anh, được thể hiện qua các biên bản giao nhận văn bản tố tụng tại hồ sơ. Qua trên thể hiện anh L có mặt tại địa phương nhưng anh cố tình vắng mặt, không chấp hành quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các hội thẩm và thư ký tuân thủ đúng pháp luật, nguyên đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không chấp hành nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 22/8/2013 cho anh L nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh ngày 06/11/2017cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về mặt tố tụng:

[1.1].Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành L và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo

quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh L đang cư trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do, theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L .

[2]. Về mặt nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện đi đến hôn nhân, anh chị làm thủ tục cưới hỏi và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 28/3/2013 của UBND xã N, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, giữa anh chị bất đồng quan điểm sống, thường kình cãi nhau, anh L ham chơi với bạn bè, chị nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, có hỏi thì anh làm to chuyện, đập phá tài sản và đánh đập vợ. Thực tế vợ chồng anh chị không còn chung sống từ tháng 12/2019 cho đến nay. Qua xác minh ở địa phương thì cũng xác định do chị T ghen tuông, vợ chồng thường kình cãi, L nhiều lần đánh vợ, T cũng bỏ đi nhiều lần. Cha mẹ và người thân trong gia đình của anh L xác nhận anh có nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa tống đạt, nhưng anh L cố tình không đến Tòa, mẹ anh L trình bày L có tâm sự với bà "*L năn nỉ nhưng T nói bỏ con, L không muốn ly hôn nên không đến Tòa"*. Qua các lần hòa giải tại Tòa nhưng anh L cố tình không đến, anh không muốn ly hôn nhưng anh không có kế hoạch nào để vợ quay về, nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng anh không chấp hành, vợ chồng không còn chung sống từ cuối năm 2019 đến nay. Qua phân tích ở trên, thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị thật sự đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Đối với yêu cầu về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng Có 02 người con tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 22/8/2013 và tên Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh ngày 06/11/2017. Theo quy định của pháp luật việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xét thấy cháu D lâu nay ở với anh L và ông bà nội, sức khỏe và việc học hành cháu bình thường, cháu đã quen nơi ở, trường lớp học, *cháu D khai" ở với ba cũng được..."* qua xác minh tình hình sức khỏe cháu tốt. Còn Hiện cháu D2 mới hơn 32 tháng tuổi, cần phải có sự chăm sóc của người mẹ. mặt khác theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình *"con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện .... hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con*" từ quy định trên để đảm bảo lợi ích mọi mặt của các con, HĐXX quyết định chấp nhận yêu cầu của chị T, chị và anh L mỗi người tiếp tục nuôi 01 người con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai, là phù hợp với tình hình thực tế và đúng với quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, và Điều 273 BLTTDS; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 51,56, 81,82,83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Phạm Thị T ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

2.Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 22/8/2013 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và người con tên Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh ngày 06/11/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T và anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con chung cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật, không ai cấp dưỡng cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu, miễn xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004990 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A .

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-Tòa án ND tỉnh Bình Định.
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS. TX A;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Kiều Oanh